

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 4919/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 về việc Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa” (nay là xã Quý Lộc);

Xét Hồ sơ đề nghị điều chỉnh tên khoáng sản đi kèm của Công ty TNHH xây lắp điện và xây dựng thủy lợi Thăng Bình đề ngày 13/3/2026 nộp tại Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 734/TTr-SNNMT ngày 16/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung trong Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi làm VLXD thông thường xã Yên Lâm, huyện Yên Định (nay là xã Quý Lộc), tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh có nội dung:

“Diện tích khu vực xin lập dự án đầu tư khai thác mỏ là 2,4769 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 11 và 12 thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Định, có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 .”.

Nay điều chỉnh lại như sau:

“Diện tích khu vực mỏ lập dự án đầu tư khai thác (khu vực đấu giá) là 2,1 ha được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 11, 12, 13 và 14 thuộc xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa, có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 (có phụ lục kèm theo).”.

2. Tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh có nội dung:

“Trữ lượng khoáng sản khu vực xin lập dự án đầu tư khai thác

- Trữ lượng khoáng sản đá vôi cấp 121 làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo là $1.487.487 m^3$, trong đó có $130.006 m^3$ đá khối để xẻ.

- Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là $823.845 m^3$, trong đó có $72.004 m^3$ đá khối để xẻ.”

Nay điều chỉnh lại như sau:

“Trữ lượng khoáng sản tại khu vực mỏ lập dự án đầu tư khai thác (khu vực đấu giá):

- Khoáng sản chính: Trữ lượng khoáng sản đá vôi cấp 121 làm vật liệu xây dựng thông thường là: $1.334.130 m^3$,

- Khoáng sản đi kèm: Trữ lượng khoáng sản đá vôi cấp 121 làm đá ốp lát là: $127.770 m^3$.”

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Công ty TNHH xây lắp điện và xây dựng thủy lợi Thăng Bình chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo kết quả thăm dò bổ sung của đơn vị; Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các số liệu, nội dung trong hồ sơ thẩm định, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 4919/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Quý Lộc; Giám đốc Công ty TNHH xây lắp điện và xây dựng thủy lợi Thăng Bình, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia;
- TT Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu: VT, CN (T05.88).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH THĂM DÒ
KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ ĐÁ
XÃ QUÝ LỘC, TỈNH THANH HÓA (KHU VỰC ĐẦU GIÁ)**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2.000	
	(Kinh tuyến trục 105⁰⁰', múi chiều 3⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	2219 179.60	553 519.90
2	2219 122.50	553 506.70
11	2219 139.96	553 363.14
12	2219 173.00	553 366.00
13	2219 228.00	553 165.00
14	2219 276.00	553 181.00
Diện tích S= 2,1 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ ĐÁ XÃ QUÝ LỘC,
TỈNH THANH HÓA (KHU VỰC ĐÁU GIÁ)**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	K-I	+ 40	244.068	
2	K-II	+ 40	493.785	
3	K-III	+ 40	437.518	
4	K-IV	+ 40	286.529	
Tổng trữ lượng:			1.461.900	
- Trữ lượng đá vôi làm VLXD thông thường là: 1.334.130 m³ - Trữ lượng đá vôi làm đá ốp lát là: 127.770 m³				